

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HIỆP
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2022/DS-ST

Ngày 25/01/2022

V/v “T/c Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Ái**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Trương Văn Sắc**

Bà **Phan Thị Trúc Phương**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Huỳnh Thiên Ân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 146/2021/TLST-DS ngày 17/11/2021 về vụ kiện “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-DS ngày 12/01/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị G** – sinh năm 1971 (*có mặt*)

Địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Bà **Huỳnh Thị L** – sinh năm 1971 (*có mặt*)

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị G trình bày:**

Trước đây vào năm 2019 tôi có cho chị L vay tiền lần thứ nhất là 20.000.000 đồng, sau đó chị L vay thêm 12.000.000 đồng, tổng cộng là 32.000.000 đồng. Khi vay tiền hai bên có thỏa thuận lãi suất 50.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng, thời hạn vay là 02 tháng khi tôi cần thì báo cho chị L. Sau khi vay tiền chị L có đóng lãi cho tôi được số tiền là 900.000 đồng, khi vay tiền và đóng lãi thì không có làm giấy tờ gì. Sau này tôi có yêu cầu chị L trả số tiền gốc cho tôi nhưng chị L không trả nên tôi có làm đơn gửi đến Ban lãnh đạo ấp T giải quyết thì chị L thừa nhận còn nợ của tôi số tiền là 32.000.000 đồng và hẹn đến ngày 15/3/2020 trả cho tôi 10.000.000 đồng, ngày 15/4/2020 trả số hết tiền còn

lại, nhưng chị L không thực hiện lời hứa, đến nay chị L vẫn chưa trả cho tôi được đồng nào.

Tại phiên toà tôi yêu cầu cô L trả cho tôi số tiền gốc là 32.000.000 đồng (*Ba mươi hai triệu đồng*), không yêu cầu tính lãi và yêu cầu trả đủ một lần, tôi chỉ yêu cầu chị L trả tiền cho tôi, không yêu cầu người nào khác cùng có trách nhiệm trả tiền cho tôi.

**** Bị đơn chị Huỳnh Thị L trình bày tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên toà:***

Qua lời trình bày của chị G về việc tôi có vay tiền như trên là đúng, trước đây tôi có vay tiền của chị G nhiều lần tổng cộng là 32.000.000 đồng và hai bên có thỏa thuận lãi suất như chị G trình bày là đúng, sau khi vay tiền tôi có đóng lãi cho chị G là 900.000 đồng, sau đó do hoàn cảnh kinh tế gặp khó khăn nên tôi không trả tiền cho chị G như đã thỏa thuận tại ấp T.

Nay tôi thừa nhận còn nợ của chị G số tiền gốc là 32.000.000 đồng (*Ba mươi hai triệu đồng*), tôi xin trả số tiền gốc cho chị G mỗi tháng là 500.000 đồng cho đến khi hết nợ vì hiện nay hoàn cảnh kinh tế tôi đang gặp khó khăn không có khả năng trả nợ, về số tiền lãi tôi đã đóng cho chị G là 900.000 đồng tôi không có yêu cầu gì. Số nợ này tôi tự chịu trách nhiệm trả cho chị G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa chị Nguyễn Thị G và chị Huỳnh Thị L là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu của chị G yêu cầu chị L trả số tiền gốc còn thiếu là 32.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy chị G và chị L thống nhất trước đây chị L có vay tiền của chị G và hiện nay chị L còn nợ của chị G số tiền gốc là 32.000.000 đồng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, Hội đồng xét xử xác định đây là sự thật.

[3] Xét lời trình bày của chị L cho rằng hiện nay chị L còn nợ của chị G số tiền gốc là 32.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền nói trên cho chị G nhưng hiện nay hoàn cảnh kinh tế của chị L đang gặp khó khăn nên chị L xin trả dần cho chị G số tiền gốc mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Việc chị L xin trả dần số tiền trên không được chị G chấp nhận, nên yêu cầu của chị L không có cơ sở chấp nhận. Hơn nữa, trước đây chị G đã đồng ý để cho chị L trả dần số tiền còn nợ, nhưng chị L đã không thực hiện đúng theo thỏa thuận làm ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của chị G. Các đương sự không yêu cầu tính lại lãi và không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị G, buộc chị L có nghĩa vụ trả cho chị G số tiền 32.000.000 đồng (*Ba mươi hai triệu đồng*) là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Giá trị tài sản tranh chấp là: 32.000.000 đồng.

Án phí tính như sau: 32.000.000 đồng x 5% = 1.600.000 đồng (*Một triệu sáu trăm nghìn đồng*).

Yêu cầu của chị G được chấp nhận nên chị G không phải chịu tiền án phí. Trả lại cho chị G số tiền tạm ứng án phí là 800.000 đồng (*Tám trăm nghìn đồng*) theo lai thu số 0006141 ngày 15/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Buộc chị L phải nộp 1.600.000 đồng (*Một triệu sáu trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 26, 35, 91, 92, 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015;
- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị G.

2. Buộc chị Huỳnh Thị L trả cho chị Nguyễn Thị G số tiền là 32.000.000đ (*Ba mươi hai triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Buộc chị Huỳnh Thị L phải nộp 1.600.000 đồng (*Một triệu sáu trăm nghìn đồng*).

- Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị G số tiền tạm ứng án phí là 800.000 đồng (*Tám trăm nghìn đồng*) theo lai thu số 0006141 ngày 15/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện Tân Hiệp;
- Chi cục THA huyện Tân Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Ngọc Ái